| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số:10/2019/DS-PT
Ngày: 23/4/2019
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

*Các thẩm phán:* Bà Trương Thị Lệ Thu

Ông Bùi Văn Lam

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Ngô Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:*** Bà Nguyễn Hồng Lê- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2018/TLPT-DS ngày 03/12/2018 về *''Tranh chấp quyền sử dụng đất'*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST, ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1936; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt)*

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Duy N, sinh năm 1957; trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. *( Có mặt)*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Bùi Thị Đ: Ông Trần Đức Đ1, luật sư văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt)*

*2. Bị đơn:* Ông Phan Duy H, sinh năm 1949 và bà Lê Thị X, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. *( Vắng mặt)*

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân xã Đ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hào Q, chức vụ: Phó chủ tịch. *(Vắng mặt)*

- Ủy ban nhân dân huyện V

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Tuấn A, chức vụ: Phó giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất *(Có mặt)*.

*4. Người làm chứng:* Bà Trần Thị H1, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. *( Vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn Bà Bùi Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Duy N trình bày: Năm 1991 bà Đ mua lại đất rừng của ông Nguyễn Văn Đ2 sau khi khai hoang, vỡ hóa thêm; năm 1992 thì được UBND huyện Đ cấp bìa theo Quyết định số 07 ngày 20/2/1992 với diện tích 1,2 ha. Là chị em nên năm 1994 bà cho ông H mượn 1500 m2 đất để sản xuất ( không có giấy tờ). Năm 1996 do ông C bị bệnh nặng nên vợ chồng phải chuyển về ngoài xóm và giao lại đất cho con dâu là Trần Thị H1 canh tác cùng trồng cây sắn, chè, bạch đàn; năm 1997 bà Đ cùng gia đình vào khai thác thì ông H không cho và xuất trình giấy chứng nhận cấp đất 1500 m2 nên 2 bên đã xảy ra tranh chấp. Quá trình tranh chấp gia đình đã yêu cầu UBND xã giải quyết nhiều lần nhưng không được. Nay yêu cầu ông H phải trả lại toàn bộ diện tích 12.000 m2 và di dời cây cối, tài sản trên đất.

- Bị đơn ông Phan Duy H trình bày: Năm 1994 ông H mua lại vườn Trại của ông Phan Văn C với giá là 400.000 đ (trong đó vườn giá 300.000 đồng và nhà tạm giá 100.000 đ), khi mua hai bên có làm giấy nhưng hiện nay đã làm mất. Trong thời gian qua ông đã trồng sắn, lạc, cây ăn quả và một số loại cây khác. Đến năm 1997 thì được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 1.500 m2; đến cuối năm 1999 khi có dự án 327, gia đình ông được dự án cấp cho 5,3 ha đất đồi hoang để trồng cây và bảo vệ môi trường; mảnh đất tranh chấp hiện tại thuộc Lô 5 H2 với diện tích 1,5 ha nên việc bà Đ yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích đất 12.000 m2 là không có cơ sở, ông không chấp nhận.

- Bị đơn bà Lê Thị X (vợ ông H) cũng nhất trí với ý kiến ông H không có ý kiến gì bổ sung.

- Đại diện UBND xã Đ trình bày: Nguồn gốc mảnh đất hiện đang tranh chấp trước đây vào năm 1980, 1981 giao cho ông Nguyễn Văn Đ2, đến năm 1992 ông Đ2 bán lại cho ông C; theo giấy thì chỉ bán tài sản trên đất. Đất đai trên địa bàn đều do xã quản lý nhưng do khi cấp không thông báo nên chính quyền địa phương không biết, hồ sơ lưu trữ không có nên không xác định được lô đất cấp cho bà Đ theo Quyết định số 07 có trùng trên mảnh đất đang tranh chấp hay không. Đối với việc mua bán giữa ông H và ông C có hay không thì chính quyền không biết mà chỉ biết từ năm 1994 lại nay thấy gia đình ông H vào ở và trồng cây ở khu vực đó; còn diện tích đất ông Phan Duy H được cấp 1500 m2 tại giấy chứng nhận QSDĐ

cấp năm 1997 thì lúc đó địa phương căn cứ vào thực tế ai sử dụng thì đề nghị cấp, theo xác minh thì ngoài 1500 m2 cấp cho ông H thì giáp đó là đất do UBND xã quản lý. Việc tranh chấp giữa ông H và bà Đ là xảy ra vào năm 2004 chứ không phải vào năm 1997. Đối với Lô 5 H2 thuộc khoản II tiểu khu 119 tại hợp đồng ký ngày 01/01/2000 mà ông H xuất trình thì qua kiểm tra, xác minh vùng đất mà ông H nêu không nằm trên vùng đất đang tranh chấp mà thuộc vùng đất quản lý của xã L. Đối với biên nhận thu tiền khai thác Keo thì không phải căn cứ để xác định quyền sở hữu về đất.

- Đại diện UBND huyện trình bày: Theo hồ sơ lưu trữ do UBND huyện Đ chuyển về thì trong sổ có thông tin về giấy cấp đất cho bà Đ nêu là tại Tờ bản đồ 4a bản đồ 299 của huyện Đ để lại nhưng không ghi rõ là thửa nào, cấp loại đất gì. Trong hồ sơ quản lý hiện tại đối với vùng đất đang tranh chấp, năm 2004 thực hiện chủ trương đo vẽ bản đồ về đất lâm nghiệp thì khu vực đất đang tranh chấp được thể hiện như sau: Diện tích 6408,6 m2 nằm trong thửa đất số 251 TBĐ địa chính số 01 thuộc loại đất Nông nghiệp; diện tích 1463,8 m2 nằm trong thửa đất số 272 và diện tích 7317,8 m2 nằm trong thửa 273 đều TBĐ địa chính số 01 là thuộc loại đất lâm nghiệp. Năm 2012 thực hiện đo vẽ bản đồ địa chính đất ở, vườn và đất nông nghiệp thì vùng đất đang tranh chấp như sau: Diện tích 4580,6 m2 trong thửa đất 73; diện tích 6022,7 m2 tại thửa 69 TBĐ số 59 là loại đất trồng cây lâu năm đều mang tên ông Phan Duy H. Đối với loại đất huyện không thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng mà chỉ căn cứ vào quy hoạch và thực tế đất để phân loại trên bản đồ.

Với nội dung vụ án trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/10/2018, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh xét xử: Áp dụng điều 164, 166 BLDS; Điều 35 BLTTDS và điều 203 Luật đất đai năm 2013, xử:

1. Bác toàn bộ nội dung khởi kiện yêu cầu ông Phan Duy H phải trả lại đất và di dời tài sản trên đất của Bà Bùi Thị Đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/10/2018 nguyên đơn Bà Bùi Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có gửi đến HĐXX bản luận cứ với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm buộc ông Phan Duy H di dời tài sản trên đất và trả lại diện tích đất cho Bà Bùi Thị Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự, đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1

Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Tại phiên tòa, VKSND tỉnh Hà Tĩnh kiến nghị UBND xã Đ, UBND huyện V về việc xem xét diện tích đất của nguyên đơn và của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

{1} Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

{2} Xét kháng cáo của nguyên đơn Bà Bùi Thị Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

{2.1}. Năm 1992 gia đình Bà Bùi Thị Đ được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp sổ Lâm bạ số 07/QĐ ngày 20/02/1992 với diện tích đất 12.000m2 có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Lục, phía Nam giáp khe suối, phía Tây giáp đất sản xuất và phía Đông giáp đường đi thuộc thôn Hương Giang, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn gốc của thửa đất trên là do ông Nguyễn Văn Đ2 bán lại cho gia đình bà Hợp. Tuy nhiên trong giấy tờ mua bán giữa ông Nguyễn Văn Đ2 và ông Phan Côn chỉ thể hiện mua bán cây cối, tài sản trên đất nhưng không ghi rõ, cụ thể diện tích là bao nhiêu m2, còn việc bà Đ cho rằng gia đình cho ông H mượn để khai thác, sử dụng trồng cây nhưng không có cơ sở, căn cứ nào để chứng minh việc Bà Bùi Thị Đ cho vợ chồng ông Phan Duy H mượn.

Tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2018 đối chiếu với Sổ Lâm bạ số 07/QĐ-UB được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho Bà Bùi Thị Đ năm 1992 thì có sự khác nhau, không đúng với phần diện tích thực tế được cấp, không đúng với tứ cận giáp ranh và loại đất, cụ thể: Về phần diện tích được cấp là 1,2ha nhưng trên thực tế đất đang sử dụng 15.690,2m2; Phía Bắc giáp đất ông Trí nhưng lại là đường đi, phía Nam giáp đường đi thì lại giáp đất ông Trí. Do đó chưa đủ cơ sở, căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của Bà Bùi Thị Đ.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn Bà Bùi Thị Đ, giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn Bà Bùi Thị Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Áp dụng Điều 164, 166 Bộ luật dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 203 Luật đất đai năm 2003, xử:

Bác toàn bộ nội dung khởi kiện của Bà Bùi Thị Đ về yêu cầu ông Phan Duy H phải trả lại đất và di dời tài sản trên đất của Bà Bùi Thị Đ.

3. Về án phí, lệ phí:

- Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí; buộc Bà Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo biên lai thu tiền số 006187 ngày 31/10/2016 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Tĩnh thì bà Đ đã nộp 200.000 đồng, sau khi khấu trừ còn thiếu 100.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc Bà Bùi Thị Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000055 ngày 01/11/2018 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, Chi cục THADS sơ thẩm;;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**